

Số: 3435 /KH-SYT

Đồng Nai, ngày 10 tháng 5 năm 2021

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030

Căn cứ Quyết định số 588/QĐ-TTg ngày 28 tháng 4 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt “Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030”;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-BYT ngày 05 tháng 6 năm 2020 của Bộ Y tế ban hành kế hoạch hành động thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh phù hợp các vùng, đối tượng đến năm 2030;

Thực hiện Kế hoạch số 821/KH-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai;

Sở Y tế xây dựng Kế hoạch thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

Đưa mức sinh tỉnh Đồng Nai về mức cân bằng tự nhiên (2,1 con/mẹ), duy trì vững chắc mức sinh thay thế, thực hiện thành công Kế hoạch số 10205/KH-UBND ngày 28 tháng 8 năm 2020 của UBND tỉnh Đồng Nai về Kế hoạch hành động giai đoạn 2021 - 2025 của tỉnh Đồng Nai thực hiện Chiến lược Dân số Việt Nam đến năm 2030.

2. Mục tiêu cụ thể đến năm 2030

Tăng mức sinh hàng năm 0,02 con/mẹ, đến năm 2025 đạt 2,0 con/mẹ và đạt 2,1 con/mẹ vào năm 2030.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp chính quyền

a) Tiếp tục quán triệt sâu sắc hơn nữa việc chuyển hướng công tác dân số từ tập trung vào việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế. Thống nhất nhận thức trong lãnh đạo và chỉ đạo cuộc vận động thực hiện mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

Các hoạt động chủ yếu:

- Thống nhất nhận thức, quán triệt sự lãnh đạo, chỉ đạo trong việc chuyển hướng công tác dân số từ tập trung vào việc giảm sinh sang duy trì mức sinh thay thế và thực hiện cuộc vận động mỗi gia đình, cặp vợ chồng sinh đủ 02 con.

- Tổ chức hội nghị, hội thảo, nói chuyện chuyên đề phổ biến kiến thức, cung cấp các ấn phẩm tuyên truyền về công tác dân số

b) Phối hợp với các sở, ngành liên quan, xây dựng chỉ tiêu cụ thể hướng đến mục tiêu đạt mức sinh thay thế - mỗi gia đình, mỗi cặp vợ chồng nên sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt.

Các hoạt động chủ yếu:

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan, cung cấp số liệu thống kê và dự báo dân số cho các đơn vị để đưa chỉ tiêu dân số và các kế hoạch, chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Phát huy tính tiên phong, gương mẫu của cán bộ, đảng viên, nhân viên ngành y tế trong thực hiện sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình tiến bộ, hạnh phúc.

Các hoạt động chủ yếu: nhất quán trong quan điểm lãnh đạo, chỉ đạo, nêu cao tinh thần trách nhiệm, gương mẫu của cán bộ, nhân viên toàn ngành y tế trong việc thực hiện chính sách dân số, đưa việc thực hiện tốt chính sách dân số vào đảng ký thi đua hàng năm, giám sát, đánh giá việc các quy định trong cán bộ, đảng viên và trách nhiệm của người đứng đầu tại các cơ quan, đơn vị toàn ngành.

d) Huy động các ngành, đoàn thể, tổ chức tham gia thực hiện kế hoạch;

Các hoạt động chủ yếu: Ký kết hợp đồng trách nhiệm với các sở, ngành, đơn vị liên quan trong việc truyền truyền, vận động về thực hiện tốt chính sách dân số cho cán bộ, nhân viên và người dân. Cung cấp ấn phẩm tuyên truyền, vận động phù hợp với từng ban ngành, đoàn thể, tổ chức.

2. Đẩy mạnh tuyên truyền, vận động thay đổi hành vi

a) Tiếp tục đẩy mạnh tuyên truyền sâu, rộng các nội dung tại Kế hoạch số 7875/KH-UBND ngày 27 tháng 7 năm 2018 của UBND tỉnh thực hiện Kế hoạch số 174-KH/TU ngày 10/4/2018 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Hội nghị lần thứ 6 Ban Chấp hành Trung ương Đảng lần thứ XII về công tác dân số trong tình hình mới và các kế hoạch, chương trình của tỉnh đã ban hành về công tác dân số nhằm tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội về việc chuyển hướng chính sách dân số từ tập trung vào kế hoạch hóa gia đình sang duy trì mức sinh thay thế, duy trì tỷ số giới tính khi sinh ở mức cân bằng tự nhiên, nâng cao chất lượng dân số.

b) Thay đổi thông điệp truyền thông phù hợp, tập trung tuyên truyền vào lợi ích của việc sinh đủ hai con; các yếu tố bất lợi của việc kết hôn muộn; sinh con quá sớm hoặc quá muộn; không sinh dày; mỗi cặp vợ chồng sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt. Hệ lụy của sinh một con đối với xã hội và gia đình trong việc chăm sóc cha mẹ khi về già.

c) Đa dạng, phong phú, sinh động các hoạt động tuyên truyền, vận động với các hình thức hấp dẫn và thuyết phục. Chú trọng việc sử dụng các phương tiện truyền thông đa phương tiện, internet và mạng xã hội. Sử dụng hợp lý các loại hình văn hóa, văn nghệ, giải trí của địa phương để truyền thông. Phát huy

vai trò của những người có ảnh hưởng với công chúng, gia đình và dòng họ. Thực hiện truyền thông tại nhà, tại cộng đồng thông qua đội ngũ tuyên truyền viên dân số các cấp.

- Tiếp tục tổ chức Chiến dịch truyền thông lồng ghép với cung cấp dịch vụ chăm sóc sức khỏe cho người dân, chú trọng vùng sâu, vùng xa, vùng khó khăn và các nhóm đối tượng dân số yếu thế, dân số đặc thù (bà mẹ, trẻ em, người khuyết tật, người cao tuổi, công nhân, nam/nữ thanh niên trước khi kết hôn...)

- Sản xuất và nhân bản các phóng sự, tin, hài; cung cấp các tài liệu, ấn phẩm truyền thông; bản tin Dân số và phát triển của ngành.

d) Phối hợp lồng ghép giáo dục về dân số, sức khỏe sinh sản trong nhà trường phù hợp với từng cấp học, lứa tuổi trong hệ thống giáo dục. Mục tiêu của giáo dục dân số, sức khỏe sinh sản phải bảo đảm trang bị cho người học các kiến thức, kỹ năng cơ bản, có hệ thống về cấu tạo, cơ chế hoạt động của các cơ quan sinh sản ở người, chăm sóc sức khỏe sinh sản; phòng tránh mang thai ngoài ý muốn, vô sinh và các bệnh lây truyền qua đường tình dục; định hình giá trị mỗi gia đình nên có hai con, không lựa chọn giới tính khi sinh vì lợi ích gia đình và tương lai bền vững của đất nước.

đ) Triển khai mở rộng thực hiện chương trình giáo dục trước khi kết hôn đối với thanh niên nam, nữ chuẩn bị kết hôn, cung cấp cho nam, nữ thanh niên các kiến thức về chăm sóc sức khỏe sinh sản liên quan trực tiếp đến cuộc sống vợ chồng; chăm sóc, nuôi dạy con, quản lý kinh tế gia đình; củng cố giá trị mỗi gia đình nên có hai con, nuôi dạy con tốt và xây dựng gia đình bình đẳng, ấm no, tiến bộ, hạnh phúc.

3. Hoàn thiện các chính sách hỗ trợ, khuyến khích

a) Đề xuất ban hành quy định về việc đề cao tính tiên phong, gương mẫu của mỗi cán bộ, đảng viên trong việc sinh đủ hai con, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình hạnh phúc.

b) Hỗ trợ, khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ hai con:

- Khuyến khích các cặp vợ chồng sinh đủ 2 con, không sinh con thứ 3 trở lên.

- Hỗ trợ tư vấn, cung cấp dịch vụ hôn nhân và gia đình: Tư vấn sức khỏe trước khi kết hôn; khuyến khích nam, nữ kết hôn trước 30 tuổi không kết hôn quá sớm hoặc quá muộn, phụ nữ sinh con thứ hai trước 35 tuổi... giảm sinh con thứ ba trở lên.

- Hỗ trợ phụ nữ khi mang thai, sinh con và sinh đủ hai con: Tư vấn, chăm sóc sức khỏe bà mẹ và trẻ em bao gồm sàng lọc vô sinh, sàng lọc trước sinh và sơ sinh, phòng chống suy dinh dưỡng.

4. Mở rộng tiếp cận các dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình và các dịch vụ có liên quan

a) Phổ cập dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình đến mọi người dân đảm bảo công bằng, bình đẳng trong tiếp cận, sử dụng dịch vụ, không

phân biệt giới, người đã kết hôn, người chưa kết hôn. Tổ chức các hoạt động thúc đẩy tiếp thị xã hội và xã hội hóa cung cấp phương tiện tránh thai, hàng hóa chăm sóc sức khỏe sinh sản, cung cấp dịch vụ sức khỏe sinh sản/kế hoạch hóa gia đình.

b) Truyền thông về phòng tránh vô sinh từ tuổi vị thành niên thông qua các chương trình giáo dục can thiệp tại cộng đồng.

c) Phổ biến xã hội hóa dịch vụ dự phòng, sàng lọc vô sinh, sàng lọc ung thư đường sinh sản đáp ứng nhu cầu khả năng chi trả của người dân.

d) Tổ chức các loại hình cung cấp dịch vụ phù hợp ở địa bàn vùng xa, vùng dân tộc thiểu số: Tư vấn, kiểm tra sức khỏe, phát hiện sớm, phòng, tránh các yếu tố nguy cơ dẫn đến: sinh con dị tật, vô sinh, mắc các bệnh, tật ảnh hưởng đến việc suy giảm chất lượng nòi giống.

e) Lồng ghép với các hoạt động của Chương trình “Bảo vệ và phát triển các dân tộc thiểu số ít người giai đoạn 2021 - 2030” được Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 499/QĐ-TTg ngày 10 tháng 4 năm 2020.

5. Các nhiệm vụ và giải pháp khác

a) Đẩy mạnh đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực cán bộ làm công tác dân số các cấp; Thường xuyên cung cấp thông tin cho các sở, ban, ngành, đoàn thể, tổ chức xã hội, huy động sự tham gia trong việc tuyên truyền, vận động nhân dân thực hiện sinh đủ hai con và nuôi dạy con tốt. Đưa nội dung về điều chỉnh mức sinh và lợi ích của duy trì mức sinh thay thế vào chương trình đào tạo, tập huấn cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp.

b) Đẩy mạnh nghiên cứu khoa học công nghệ về quy mô dân số, mức sinh trong mối quan hệ qua lại với phát triển kinh tế - xã hội. Tham mưu chỉ tiêu duy trì vững chắc mức sinh thay thế vào hệ thống các chỉ tiêu kinh tế - xã hội của tỉnh.

c) Tổ chức học tập và chia sẻ kinh nghiệm về quy mô dân số, mức sinh, biện pháp điều chỉnh mức sinh.

d) Định kỳ kiểm tra, giám sát hỗ trợ, đánh giá việc thực hiện kế hoạch; kịp thời đề xuất cơ chế, chính sách phù hợp với thực tiễn. Sơ kết, tổng kết thực hiện kế hoạch.

IV. KINH PHÍ

Kinh phí thực hiện kế hoạch do ngân sách Y tế theo khả năng cân đối ngân sách của tỉnh trong từng thời kỳ, theo phân cấp ngân sách hiện hành, được bố trí trong dự toán chi của các cơ quan, đơn vị toàn ngành theo quy định của Luật Ngân sách Nhà nước và từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các phòng chuyên môn Sở Y tế, Chi cục Dân số - Kế hoạch hóa gia đình căn cứ chức năng, nhiệm vụ:

- Tham mưu Ban Giám đốc chỉ đạo, đôn đốc, điều phối việc triển khai thực hiện Kế hoạch.

- Tham mưu trình Ủy ban nhân dân tỉnh và Hội đồng nhân dân tỉnh các chính sách về công tác dân số trên địa bàn tỉnh.

- Phối hợp với các sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức triển khai Kế hoạch này trên phạm vi toàn tỉnh, bảo đảm gắn kết chặt chẽ với các kế hoạch, chương trình, đề án có liên quan do các sở, ngành, đơn vị chủ trì thực hiện.

- Hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch này, định kỳ báo cáo Sở Y tế, Bộ Y tế, UBND tỉnh; sơ kết, tổng kết kết quả thực hiện kế hoạch theo quy định.

b) Các đơn vị trực thuộc Sở Y tế căn cứ chức năng, nhiệm vụ triển khai, xây dựng chương trình, kế hoạch để thực hiện, đồng thời cụ thể hóa thành các nhiệm vụ hàng năm phù hợp với tình hình thực tế của đơn vị. Chủ động xây dựng kế hoạch tổ chức triển khai các nội dung, nhiệm vụ thuộc chức năng, nhiệm vụ của mình; định kỳ hàng năm trước 10/12 báo cáo tình hình triển khai thực hiện gửi Sở Y tế (thông qua Chi cục DS-KHHGĐ) tổng hợp báo cáo Bộ Y tế, UBND tỉnh theo quy định.

Trong quá trình thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc, các phòng chuyên môn và các đơn vị trực thuộc báo cáo Sở Y tế (thông qua Chi cục DS-KHHGĐ) để kịp thời xem xét, giải quyết nhằm đảm bảo hoàn thành mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch.

Trên đây là Kế hoạch của Sở Y tế thực hiện Kế hoạch số 821/KH-UBND ngày 22 tháng 1 năm 2021 của UBND tỉnh Đồng Nai thực hiện Chương trình điều chỉnh mức sinh đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Đồng Nai./.

Nơi nhận:

- Bộ Y tế; / (Báo cáo)
- UBND tỉnh; /
- Ban Giám đốc Sở Y tế;
- Các phòng chuyên môn;
- Các đơn vị trực thuộc;
- Lưu: VT, NV.

GIÁM ĐỐC



Phan Huy Anh Vũ



PHỤ LỤC CÁC CHỈ BÁO KIỂM ĐỊNH MỤC TIÊU
 (Kèm theo Kế hoạch số 3435 /KH-SYT ngày 10 tháng 5 năm 2021
 của Sở Y tế Đồng Nai)

TT	Chỉ báo	Đơn vị	Mục tiêu cần đạt năm 2025	Mục tiêu Cần đạt năm 2030
1	Mục tiêu 1. Duy trì vững chắc mức sinh thay thế, giảm chênh lệch mức sinh giữa các vùng, đối tượng.			
1.1	Quy mô dân số	ngàn người	3.352	3.556
1.2	Tổng tỉ suất sinh	Con/phụ nữ	1,9	2,0
1.4	Tỉ lệ các cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh sản đẻ (15-49 tuổi) đang sử dụng BPTT hiện đại	%	72	72
1.5	Giảm tỉ lệ vị thành niên, thanh niên (10-24 tuổi) mang thai ngoài ý muốn	% so với hiện tại	50	75
2	Mục tiêu 2: Bảo vệ và phát triển dân số các dân tộc thiểu số có dưới 10 nghìn người, đặc biệt là dân tộc thiểu số rất ít người có nguy cơ suy giảm giống nòi.			
2.1	Tỉ lệ tăng dân số của các dân tộc thiểu số dưới 10 nghìn người	%	1,2	1,2
2.2	Tỉ lệ cặp tạo hôn tại địa bàn dân tộc thiểu số	%	0	0
2.3	Tỉ lệ cặp hôn nhân cận huyết tại địa bàn dân tộc thiểu số	%	0	0
3	Mục tiêu 3: Duy trì tỉ số giới tính khi sinh về mức cân bằng tự nhiên, phân đầu duy trì cơ cấu tuổi của dân số ở mức hợp lý.			
3.1	Tỉ số giới tính khi sinh	Số bé trai/100 bé gái	<109	<109
3.2	Tỉ lệ trẻ em dưới 15 tuổi	%	23	23
3.3	Tỉ lệ người từ 65 tuổi trở lên	%	5,7	6
3.4	Tỉ lệ phụ thuộc chung	%	43	45
4.	Mục tiêu 4: Nâng cao chất lượng dân số.			
4.1	Tỉ lệ cặp nam, nữ thanh niên được tư vấn, khám sức khỏe trước khi kết hôn	%	70	90
4.2	Tỉ lệ cặp tạo hôn	%	0	0
4.3	Tỉ lệ cặp hôn nhân cận huyết thống	%	0	0
4.4	Tỉ lệ phụ nữ mang thai được tầm soát 4 bệnh, tật phổ biến	%	65	80
4.5	Tỉ lệ trẻ sơ sinh được tầm soát	%	85	90

5	Mục tiêu 5: Hoàn thành xây dựng và vận hành cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đẩy mạnh lồng ghép các yếu tố dân số vào xây dựng và thực hiện kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.			
5.1	Tỉ lệ dân số được đăng ký, quản lý trong hệ thống cơ sở dữ liệu dân cư	%	90	100
5.2	Tỉ lệ ngành, lĩnh vực, địa phương sử dụng dữ liệu chuyên ngành dân số vào xây dựng chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, dự án phát triển kinh tế - xã hội	%	80%	100%
6	Mục tiêu 7: Thích ứng với già hóa dân số, đẩy mạnh chăm sóc sức khỏe người cao tuổi.			
6.1	Tỉ lệ xã, phường đạt tiêu chí môi trường thân thiện với người cao tuổi;	%	40	60
6.2	Tỷ lệ người cao tuổi không có lương hưu và các khoản trợ cấp từ bảo hiểm xã hội được cấp thẻ bảo hiểm y tế	%	60	90
6.3	Tỉ lệ người 80 tuổi trở lên có thẻ bảo hiểm y tế, được quản lý sức khỏe, được khám, chữa bệnh, được chăm sóc tại gia đình, cộng đồng, cơ sở chăm sóc tập trung;	%	100	100